

1. ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG

Steps	Present simple (Hiện tại đơn)	Present continuous (Hiện tại tiếp diễn)	Past simple (Quá khứ đơn)
1 Tìm dấu hiệu nhận biết →			
2 Xác định (-) : có “.....” (?) : có “.....” (+) : Không có “.....” và “.....”	(-) :/..... + V (?) :/..... + ... V? (+) : V/.....	(-) : isn't/am not/ + (?) : Is/Am/Are ... +.....? (+) : is/am/are +	(-) : + V (?) : + ... V? (+) :/V2
3 Xác định	V/don't : I/You/...../They/..... Vs-es/ doesn't: He/She/It/	am : I is: He/She/It/N are: You/We/They/ Ns	was: I/She/He/It/ N were: You/We/They/ Ns

2. CHIA ĐỘNG TỪ

1. Martha and Kevin (swim) twice a week.
2. they (build) that house last year? – Yes, they
3. Please, stop! You (drive) so fast!
4. The bell (ring) at the church now.
5. In 2012, my family (buy) a new car.
6.they usually (leave) on Sunday?
7. Please, stop! You (drive) so fast!
8. We (not, go) to the cinema on Fridays.